

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/10/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.JUNG	7:25	18	0		19	0	
2		CTK3+BK20+BK9	7:25	11+4+7	0+0+0		10+0+10	0+0+0	chuyen 1 ctk3-bk20
3		BK16+PPD+MRM	7:25	2+20+0	0+0+0		0+17+3	0+0+0	
4		P2+CTK3+P4	9:25	10+12+0	0+0+0		0+13+9	0+0+0	
5		CNV+P9+BK14	9:25	9+1+9	0+0+0		7+5+8	0+0+0	
6		BK3+CTK3+AMD	11:25	3+14+5	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
7		HST+TGTH1+AMD	11:30	2+7+2	0+0+0		6+10+3	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:30
FLIGHT:	TO: T.UNG	CREW: MTiến - VThắng	ETA: 10:40
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGŨ HOÀN	T.UNG	47-49	3	20		65	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	T.UNG	53	1	7		67	PVEP ITC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC HIỆU	T.UNG	42	1	6		66	PVEP ITC	Vietnamese
4	ZELENSKY A.	T.UNG	43	1	5		85	KH-THAC	Russian
5	PHẠM HỒNG SƠN	T.UNG	54	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG DƯƠNG	T.UNG	50	1	2	65	70	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ DUY DŨNG	T.UNG	84	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH NAM	T.UNG	51	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
9	KIEU XUÂN TÂM	T.UNG	52	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔ HÙNG DŨNG	T.UNG	85	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH HAI	T.UNG	46	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TUẤN AN	T.UNG	83	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN QUANG HOÀ	T.UNG					72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU VIỆT	T.UNG	38-39	2	20		70	ANTOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	T.UNG	40	1	5		65	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY KHANH	T.UNG	41	1	7		78	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN KHẮC NGỌC	T.UNG	44-45	2	15		52	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	17	20	125	1.220	65	19		
TOTAL		17	20	125	1.220	65	19		
WEIGHT KG				125	1.220	65			

GRAND TOAL: 1.410 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:31
FLIGHT: 2	TO: CTK3 - BK20 - BK9	CREW: Nam - HTrung - PTUÂN	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO VĂN ĐẬU	CTK3	53	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	47	1	6		45	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG XUÂN HIỂU	CTK3	49	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN DUY ANH	CTK3	57	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
5	DOAN QUANG TUÂN	CTK3	50,53	2	7		66	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VĂN BÁC	CTK3	55	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐO VĂN TRI	CTK3	78	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TIẾN DŨNG	CTK3	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG HIẾN	CTK3	56	1	3		65	HVJOC	Vietnamese
10	PHẠM THAI SƠN	CTK3	04,08	2	15		60	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
11	TRỊNH NGỌC TỬ	CTK3	09	1	10		80	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
12	LE CONG AN	CTK3	52	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH PHÚC	BK20	28	1	2		56	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HOANG TÙNG	BK20	29	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM BA HOANG	BK20	30-31	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	BK9	74	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
17	VÕ THÈ HẬU	BK9					72	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN HỮU TRUNG	BK9	92	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN TRUNG KIẾN	BK9	75-76	2	10	40	75	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI MINH HAI	BK9	72-73	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH LUÂN	BK9	93	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG PHÚC ANH	BK9	91	1	6		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	12	14	72	775	0	11	1	CHUYEN 01 PAX TU CTK3 SANG BK20
2	BK20	3	4	22	211	0	0		
3	BK9	7	8	53	486	40	10		
TOTAL		22	26	147	1.472	40	21		
WEIGHT KG				147	1.472	40			

GRAND TOAL: 1.659 KGS

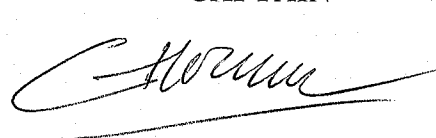
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/10/2023	TO: BK16 - PPD - MRM	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPhú - Thành	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA VAN CANH	BK16	16-18	3	20		62	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN THANH HOANG	BK16	20	1	5	19	69	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG TRUONG LAM	PPD	83	1	4	37	70	KHI	Vietnamese
4	NGO DUC VONG	PPD					66	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG NHAT QUANG	PPD	84	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VAN THANG	PPD	88	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TRUNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
8	LE SY KHOA	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
9	DOAN VAN THUAN	PPD	93	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN VINH	PPD	89	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG KHOI	PPD	92	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC CU	PPD	97	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	DO XUAN HA	PPD	98-99	2	7		55	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO SACH DUC	PPD	87	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DINH THANG	PPD	94	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH BA NINH	PPD	85	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
17	TO QUANG HUY	PPD	95	1	8	20	65	KH-THAC	Vietnamese
18	LE VAN VUONG	PPD	91	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN HUU NGHI	PPD	86	1	5		60	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN DANG	PPD	90	1	15		54	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN VAN CONG	PPD	80-82	3	15		68	XAYLAP	Vietnamese
22	DANG ANH TUAN	PPD	78-79	2	13		50	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

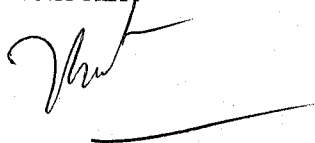
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	2	4	25	131	19	0		
2	PPD	20	21	114	1.301	57	18		
3	MRM	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	25	139	1.432	76	21		
WEIGHT KG				139	1.432	76			

GRAND TOAL: 1.647 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: P2 - CTK3 - P4	CREW: Nam - HTrung - PTUẤN	ETA: 11:40
cam-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN ĐO CHÂU TUẤN	P2	03-04	2	18		96	KH-THAC	Vietnamese
2	CAO ĐẮC DÂN	P2	27-28	2	19		72	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
3	PHẠM TIỀN CƯỜNG	P2	94-95	2	19	8	75	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	P2	86-87	2	19		68	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
5	TRẦN TRINH	P2	30-31	2	7		72	NHA THAI	Vietnamese
6	EVGENII AMETOV	P2	28-29	2	19	15	85	NHA THAI	Russian
7	HOANG ĐỨC LINH	P2	02	1	4	19	65	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VĂN DƯƠNG	P2	98	1	10	17	50	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HÙNG	P2	24	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VĂN KIẾN	P2	22	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN HỒNG ĐIẾP	CTK3	32	1	5		70	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
12	NGUYỄN HIỆP THANH	CTK3	23	1	10		82	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG PHƯƠNG NAM	CTK3	28	1	7	10	70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH NHỎ HOANG	CTK3	31	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	CTK3	27	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN PHONG	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NĂM	CTK3	30	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	26	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC TRI	CTK3	24	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	22	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TỰ THẮNG	CTK3	25	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	29	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

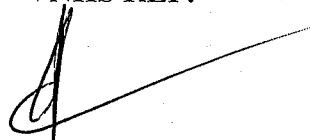
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	10	16	140	733	59	0		
2	CTK3	12	11	57	836	10	13		
3	P4	0	0	0	0	30	9		
TOTAL		22	27	197	1.569	99	22		
WEIGHT KG				197	1.569	99			

GRAND TOAL: 1.865 KGS

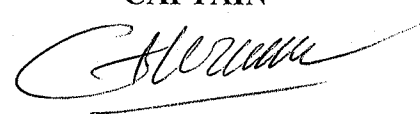
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	TO: CNV - P9 - BK14	CREW: CHIẾN - NPhú - Thành	ETA: 11:45
VANG-2			

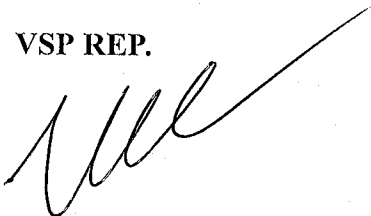
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	21	1	4	41	63	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH VĂN SƠN	CNV	17	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VŨ HOÀNG	CNV	19	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG QUANG HUY	CNV	18	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ QUANG HAI	CNV	20	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
6	PHUNG VĂN KHANH	CNV	15	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN MINH	CNV	13	1	7	19	85	T-TIN	Vietnamese
8	ĐINH XUÂN TOÀN	CNV	11-12,200	3	16		59	T-TIN	Vietnamese
9	VŨ THANH NHẬT	CNV	16	1	10		80	PSV	Vietnamese
10	KOSTIKIN	P9	61	1	18	25	110	NIPI	Russian
11	NGUYỄN NAM THAI	BK14	33	1	5	42	65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ANH TUÂN	BK14	34	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC HIỆP	BK14	31	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ THANH HÀ	BK14	30	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT TIỀN	BK14	26	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT LONG	BK14	32	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT TÂN	BK14	24-25	2	19		68	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ CÔNG VIỆN	BK14	27-28	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
19	MAI MINH TUÂN	BK14	29	1	7		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

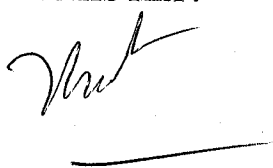
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	9	11	76	661	60	7		
2	P9	1	1	18	110	25	5		
3	BK14	9	11	74	631	42	8		
TOTAL		19	23	168	1.402	127	20		
WEIGHT KG				168	1.402	127			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/10/2023	TO: BK3 - CTK3 - AMD	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - N.Cương - Tú	ETA: 14:00
TRANG-3			

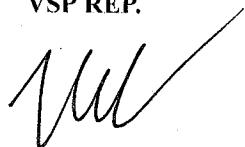
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CAO CUONG	BK3	38	1	7		69	XAYLAP	Vietnamese
2	VUONG MAI	BK3	36-37	2	24		61	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG DUC PHONG	BK3	39-40	2	15		92	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG LAM	CTK3	38	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THIEN TOAN	CTK3	39	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VIET HUNG	CTK3	47-48	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN KHAC THANG	CTK3	42	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
8	DINH QUANG HOAN	CTK3					63	KH-THAC	Vietnamese
9	DAO DUC THANG	CTK3					72	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VAN HUY	CTK3	49	1	8		68	ANTOAN	Vietnamese
11	LUONG THE HIEN	CTK3	35-36	2	8		65	NIPI	Vietnamese
12	LUONG MINH KHUE	CTK3	40-41	2	12		57	NIPI	Vietnamese
13	NGUYEN DANG TUNG	CTK3	37	1	13		65	PSV	Vietnamese
14	PHI DUY HOAN	CTK3	50	1	10	20	73	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
15	LE VAN QUANG	CTK3	43-44	2	14		68	MERMAID	Vietnamese
16	DUONG MANH HIEN	CTK3	45-46	2	20		61	MERMAID	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC TAN	AMD	98	1	8		75	TLJOC	Vietnamese
18	PHAM THANH KHIET	AMD	02	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	01	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
20	TRINH VAN PHA	AMD	700	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN QUANG LONG	AMD	99	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

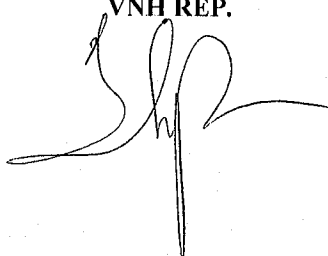
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	3	5	46	222	0	0		
2	CTK3	13	16	108	865	20	3		
3	AMD	5	5	29	362	0	19		
TOTAL		21	26	183	1.449	20	22		
WEIGHT KG				183	1.449	20			

GRAND TOAL: 1.652 KGS

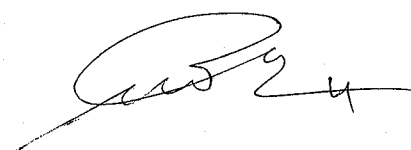
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	TO: HST - TGTH1 - AMD	CREW: ATUÁN - TRƯỜNG	ETA: 13:30
xanh-3			

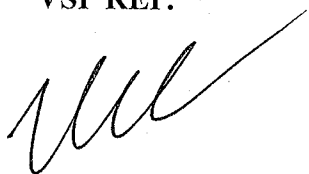
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BA QUAN	HST	30-31	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
2	VO TRUNG HIEU	HST	29	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DUY LAM	TGTH1	74	1	11		68	HLJOC	Vietnamese
4	DUONG VAN HANH	TGTH1	43-44	2	15		58	HLJOC	Vietnamese
5	PHAM ANH ĐỨC	TGTH1	10-11	2	18		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VIET LAM	TGTH1	72	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NGHIA	TGTH1	09,75	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG DUY	TGTH1	12	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN THANH MAI	TGTH1	73	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI SY QUYEN	AMD	59-60	2	11		68	KH-THAC	Vietnamese
11	VU VIET THANG	AMD	61-62	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

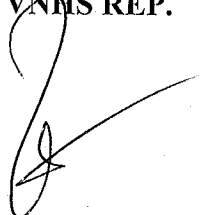
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	2	3	21	156	0	6		
2	TGTH1	7	10	78	471	0	10		
3	AMD	2	4	23	137	0	3		
TOTAL		11	17	122	764	0	19		
WEIGHT KG				122	764	0			

GRAND TOAL: 886 KGS

VSP REP.



VNNS REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/10/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+BK4+RP3	7:25	14+1+7	0+0+0		10+3+9	0+0+0	chuyen 1 ppd-bk4
2		MRM+TD3	7:25	20+1	0+0		20+2	0+0	Người như TD3 mới
3		MRM+BK21	9:25	21+0	0+0		16+4	0+0	
4		CTK3+TD5+PPD	9:25	5+7+10	0+0+0		2+5+15	0+0+0	chuyen 2 TD5-PPD
5		RP3+AMD	11:25	22+0	0+0		12+10	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	TO: PPD - BK4 - RP3	CREW: Linh - MTHAO - THU	ETA: 09:25
CAM-1			

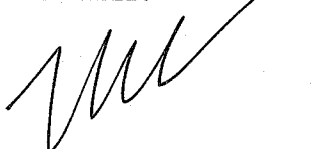
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TAI	PPD	64	1	9	50	70	KHI	Vietnamese
2	ĐỖ CHUNG KIẾN	PPD	54	1	4		60	KHI	Vietnamese
3	VŨ THANH BÌNH	PPD	59	1	5		83	KHI	Vietnamese
4	PHAN VĂN TÙNG	PPD	63	1	8		84	KHI	Vietnamese
5	TRẦN VĂN DŨNG	PPD	65-66	2	8		75	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TÁ	PPD	52	1	2		68	KHI	Vietnamese
7	TRẦN LÊ RANG	PPD	51	1	6		70	KHI	Vietnamese
8	TRỊNH QUỐC THÀNH	PPD	57-58	2	13		98	KHI	Vietnamese
9	LÊ MINH PHỤNG	PPD	61	1	4		80	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY TRƯỞNG	PPD	62	1	3		67	KHI	Vietnamese
11	KOLESNIK A.Y	PPD	67	1	10		100	KHI	Russian
12	ĐỖ VĂN THÀNH	PPD	53	1	10		82	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	60	1	5		76	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỞNG NHẬT MINH	PPD	55-56	2	13		88	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN PHÊ	BK4	400	1	6	47	65	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	02	1	4		60	KHI	Vietnamese
17	TRẦN VĂN SEN	RP3	03	1	4		70	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CÚ	RP3	01	1	3		58	KHI	Vietnamese
19	LÂM TIẾN PHI	RP3	06	1	4		83	KHI	Vietnamese
20	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	07	1	6		77	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN TRUNG HÒA	RP3	04	1	10		76	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT KÝ	RP3	05	1	4		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

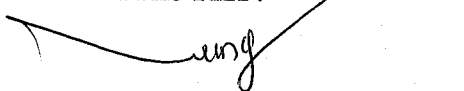
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	14	17	100	1.101	50	10	41	CHUYỂN 1 KHÁCH TỪ PPD SANG BK4
2	BK4	1	1	6	65	47	3		
3	RP3	7	7	35	494	0	9		
TOTAL		22	25	141	1.660	97	22		
WEIGHT KG				141	1.660	97			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

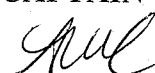
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2023	TO: MRM - TD3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.Cương - Tú	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZHESTKOV ALEXEY	MRM	29	1	14		110	AMNGR	Russian
2	TSVETKOV OLEG	MRM	25-26	2	19		118	AMNGR	Russian
3	KIMAKOVSKII STANISLAV	MRM	35	1	10		95	AMNGR	Russian
4	KIMAKOVSKII MAKSIM	MRM	28	1	6		85	AMNGR	Russian
5	SHCHETININ IVAN	MRM	27	1	11		78	AMNGR	Russian
6	LOGANOV VITALII	MRM	30	1	7		85	AMNGR	Russian
7	KHOKHLOV VLADISLAV	MRM	19-20	2	18		85	AMNGR	Russian
8	PIKULSKII TIMUR	MRM	37-38	2	9		123	AMNGR	Russian
9	VŨ QUANG	MRM	34	1	10		80	D-HANH	Vietnamese
10	KIỀU TUẤN ANH	MRM	31-32	2	13		80	DVL	Vietnamese
11	TRẦN VĂN NGHĨA	MRM	24	1	14		85	DVL	Vietnamese
12	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	MRM	41-42	2	12		80	DVL	Vietnamese
13	HOÀNG ĐĂNG THIÊN	MRM	23	1	10		71	DVL	Vietnamese
14	LE HOÀI THIÊN	MRM	33	1	14		75	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC BAO	MRM	22	1	11		80	DVL	Vietnamese
16	TRAN CONG PHONG	MRM	36	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	TONG VAN DAT	MRM	40	1	3		65	PSV	Vietnamese
18	MOROZOV ANDREI	MRM	39	1	5		109	AMNGR	Russian
19	SAVELEV NIKITA	MRM	21	1	9		91	AMNGR	Russian
20	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	58	1	6		77	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	19	24	200	1.665	0	20		
2	TD3	1	1	6	77	0	2		
TOTAL		20	25	206	1.742	0	22		
WEIGHT KG				206	1.742	0			

GRAND TOAL: 1.948 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: MRM - BK21	CREW: TUYỀN - N.Cương - Tú	ETA: 11:40
<i>Yanh 2</i>			

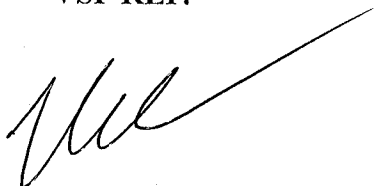
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KUZNETSOV VLADIMIR	MRM	54-55	2	17		100	AMNGR	Russian
2	KONDRATIUK KIRILL	MRM	59	1	16		75	AMNGR	Russian
3	AZARENKOV KIRILL	MRM	46	1	12		94	AMNGR	Russian
4	STEPANOV OLEG	MRM	48	1	3		103	AMNGR	Russian
5	IAREMCHENKO TARAS	MRM	51	1	10		98	AMNGR	Russian
6	RODNIKOV STANISLAV	MRM	52-53	2	10		74	AMNGR	Russian
7	ROIK NIKOLAI	MRM	58	1	13		88	AMNGR	Russian
8	DOBRYNIN PAVEL	MRM	49-50	2	12		110	AMNGR	Russian
9	TYSYACHNIK ALEXANDR	MRM	56-57	2	15		85	AMNGR	Russian
10	BREDNEV ARTEM	MRM	47	1	8		76	AMNGR	Russian
11	DƯƠNG BA VINH	MRM	63	1	5	20	86	DVL	Vietnamese
12	BUI HUY BANG	MRM	66	1	12		74	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU VIỆT	MRM	60	1	16		60	DVL	Vietnamese
14	ĐỖ TRỌNG HIẾN	MRM	67-68	2	16		70	DVL	Vietnamese
15	TÔNG TIẾN QUANG	MRM	61	1	16		80	DVL	Vietnamese
16	TRẦN QUỐC HƯƠNG	MRM	62	1	5		90	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN SỸ TUÂN	MRM	18	1	14		74	DVL	Vietnamese
18	ĐẠO VĂN YẾN	MRM	70	1	12		64	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC SƠN	MRM	69	1	15		68	DVL	Vietnamese
20	BOGOMLOV DANIL	MRM	45	1	15		91	DVL	Russian

FLIGHT PLAN

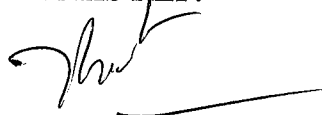
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	20	25	242	1.660	20	16		
2	BK21	0	0	0	0	20	4		
TOTAL		20	25	242	1.660	40	20		
WEIGHT KG				242	1.660	40			

GRAND TOAL: 1.942 KGS

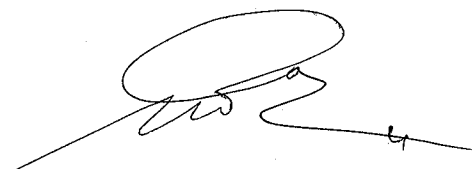
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2023	TO: CTK3 - TD5 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - THU	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PASHANOV A	CTK3	07	1	4	22	110	KH-THAC	Russian
2	MIRSAIAPOV R.	CTK3	43	1	6		102	KH-THAC	Russian
3	KUSHENKO N.	CTK3	03	1	7		81	KH-THAC	Russian
4	NGO DINH THAM	CTK3	02	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
5	THAI QUANG HUY	CTK3					70	SANBAY	Vietnamese
6	TRAN LE CHIEN	TD5	92	1	11	61	89	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM VAN CHIEN	TD5	93	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
8	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	94	1	3		89	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HAI LAM	TD5	90	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
10	MAI TUAN KIET	TD5	89	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
11	DOAN VAN MUOI	TD5	91	1	13		61	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM THANH TUNG	TD5	95	1	15		98	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM HAI QUANG	PPD	45	1	4		75	KHI	Vietnamese
14	TRINH CONG BINH	PPD	46	1	7		65	KHI	Vietnamese
15	BUI THANH	PPD	47	1	3		62	KHI	Vietnamese
16	CHU MINH PHUONG	PPD	44	1	5		82	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN DUC HOA	PPD	43	1	5		72	KHI	Vietnamese
18	TRAN HOANG DAI	PPD	39	1	6		66	ZARUBE	Vietnamese
19	PHAN XUAN DUY	PPD	40	1	8		68	ZARUBE	Vietnamese
20	LUU VIET HUNG	PPD	42	1	8		73	ZARUBE	Vietnamese
21	NGUYEN THI KIM PHUONG	PPD	37-38	2	9		52	ZARUBE	Vietnamese
22	NGO DINH LONG	PPD	41	1	7		67	ZARUBE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	5	4	24	423	22	2		CHUYEN 2 PAX TD5-PPD
2	TD5	7	7	63	556	61	5	2	
3	PPD	10	11	62	682	0	14		
TOTAL		22	22	149	1.661	83	21		
WEIGHT KG				149	1.661	83			

GRAND TOAL: 1.893 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	TO: RP3 - AMD	CREW: HUNG - Son - Thành	ETA: 14:00
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN LẬP	RP3					63	KHI	Vietnamese
2	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	28-29	2	9		56	KHI	Vietnamese
3	HỒ VĂN LUONG	RP3	25	1	6		63	KHI	Vietnamese
4	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	24	1	4		76	KHI	Vietnamese
5	LÊ XUÂN VIỆT	RP3	10	1	8		76	KHI	Vietnamese
6	PANKRATOV	RP3	30	1	10		92	KHI	Russian
7	LÊ NHU NGUYEN	RP3	26-27	2	10		58	KHI	Vietnamese
8	PHẠM BÌNH NAM	RP3	18-19	2	15		62	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG BẢNG	RP3	75-76	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
10	DUMRONG CHUACHAONA	RP3	33-34	2	11		62	VEOLIA W	Thailand
11	VŨ BẢO THÀNH	RP3	72-73	2	12		84	VIỆN NIPI	Vietnamese
12	LÊ VĂN NGHĨ	RP3	77	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀNG AN	RP3	35	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC TRI	RP3	74	1	8	95	70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM ĐỨC THẮNG	RP3	32	1	10	16	70	KHI	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN HUY	RP3	17	1	9		69	KHI	Vietnamese
17	ĐÀU VĂN MINH	RP3	83	1	6		67	KHI	Vietnamese
18	LÊ HÙNG TIẾN QUANG	RP3	20-23	4	15		62	KHI	Vietnamese
19	THẠCH TÀI	RP3	12-13	2	10		90	KHI	Vietnamese
20	ĐẶNG THANH TIẾN	RP3	14-15	2	9		66	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	RP3	08-09	2	11		59	T-TIN	Vietnamese
22	PHẠM VĂN HOÀNG	RP3	16	1	5		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	33	202	1.514	111	12		
2	AMD	0	0	0	0	15	10		
TOTAL		22	33	202	1.514	126	22		
WEIGHT KG				202	1.514	126			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN